



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE:

IV#: _____

VEWL.#: _____

I-171#: Y NO

EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM Nguyen Thanh Phuong
Last Middle First

Current Address: TK 33/6, Nguyen Canh Chan, P 24, Q 1, H Cap
ap Ngua Huan, My Thanh, Giung Tron, Tien Giang

Date of Birth: 03/18/45 Place of Birth: Kien Hoa

Previous Occupation (before 1975) 2nd Lt
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 05/00/75 To 04/78
Years: 3 Months: _____ Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: FVPPA
Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

Questionnaire for refugees orderly departure program

Date:

Ngày 25-7-1988

A. Basic Indication data.

Lý lịch căn bản

1. Nam

Họ tên: Nguyễn Thanh Phường

2. Other name:

Họ tên khác:

3. Date / place of birth

Ngày sinh: 18-3-1945 xã Mỹ Thạnh tỉnh Kiên Hòa

4. Residence address:

Địa chỉ thường trú: ấp Nghĩa Khuân xã Mỹ Thạnh huyện
Giồng Trôm tỉnh Bến Tre.

5. Mailing address:

Địa chỉ ở trọ tại: Nguyễn Thanh Phường, TK 33/6 Nguyễn Cảnh Chân
Đ24 - Q1 TP Hồ Chí Minh - Việt Nam

6. Current occupation

Nghề nghiệp: Làm vườn

B. Relatives to accompany me

Bà con cùng đi với tôi:

(Note: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W) or Single (S)

(Chú ý: Vợ / chồng và con cái có thể cùng đi với bạn mà thôi.
Kể khai tình trạng gia đình như sau: Đã kết hôn (M)
Đã ly dị (D), Góa phụ / góa tử (W) hoặc độc thân (S)

C - Relatives Outside Vietnam

Họ hàng ở nước ngoài:

1. Closest relatives in the US
Bà con thuộc nhất ở Hoa Kỳ.

a. Name

Họ tên: Nguyễn Thị Mai

b. Relationship

Liên hệ gia đình: Chị cô cậu

c. Address

Địa chỉ:

Moline IL

U.S.A.

2. Closest relatives in other foreign countries
Bà con thân thuộc nhất ở các nước khác:

a. Name

Họ tên: Trần Văn Thúc

b. Relationship

Liên hệ gia đình: Anh cô cậu

c. Address

Địa chỉ:

Inala
BRISBANE QLD
AUSTRALIA

Complete Family listing (living/dead)

Danh sách toàn thể gia đình (sống/chết)

Name

Address

Họ tên

Địa chỉ

1. Father

Cha: Nguyễn Văn Mười

chết

2. Mother

Mẹ: Nguyễn Thị Bảy (sống) ở Ngã 4 đường xã Mỹ Thạnh
huyện Giồng Trôm tỉnh Bến Tre

Name Họ tên	Date of birth Ngày tháng năm sinh	Place of birth Nơi sinh	Sex Giới	MS Tình trạng gia đình	Relations Liên hệ gia đình
1. Lê Thị Hi ²	10-9-1944	Xã An ² thành tỉnh Kiên Hòa	Nữ ²	M	Vợ
2. Nguyễn Thanh Vũ	2-1-1972	Xã Mỹ ² thành Giồng Trôm Bến Tre	Nam	S	con
3. Nguyễn Thị Phương Uyên	2-1-1974	Xã Mỹ ² thành Giồng Trôm Bến Tre	Nữ ²	S	con
4. Nguyễn Thanh Khoa	31-3-1975	Xã Mỹ ² thành Giồng Trôm Bến Tre	Nam	S	con

(Note: For the persons listed above, We will need legible copies of birth certificates, marriages certificates (if married) divorce decrees (if divorced) spouse's death certificates (if widowed), identification cards (if available) and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their address in section I below.)

(Chú ý: Cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai sinh, giá thú (nếu lập gia đình rồi) giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai tử² của vợ/chồng (nếu góa phụ/góa thê), thẻ căn cước (nếu có) và hình. Nếu bà con sẽ cùng đi với bạn không chung ngụ với bạn hiện tại, xin viết địa chỉ của họ trong phần I.)

"C" .../...

3. Spouse

Vợ / chồng: Lê Thị Hi² (sống) ấp Nghĩa Thuận xã Mỹ Thạnh
huyện Giồng Trôm tỉnh Bến Tre

4. Former spouse (if any)

Vợ / chồng trước nếu có:

5. Children

con cái:

- ① Nguyễn Thanh Vũ (sống) ấp Nghĩa Thuận xã Mỹ Thạnh
huyện Giồng Trôm tỉnh Bến Tre.
- ② Nguyễn Thị Phương Uyên (sống) ấp Nghĩa Thuận xã Mỹ Thạnh
huyện Giồng Trôm tỉnh Bến Tre
- ③ Nguyễn Thanh Khoa (sống) ấp Nghĩa Thuận xã Mỹ Thạnh
huyện Giồng Trôm tỉnh Bến Tre.

6. Siblings

Anh chị em:

- ① Nguyễn Thị Thanh Thủy (sống) ấp Nghĩa Thuận xã Mỹ Thạnh
huyện Giồng Trôm tỉnh Bến Tre.
- ② Nguyễn Thị Bé (sống) ấp Nghĩa Thuận xã Mỹ Thạnh
huyện Giồng Trôm tỉnh Bến Tre
- ③ Nguyễn Thanh Châu (sống) ấp Nghĩa Thuận xã Mỹ Thạnh
huyện Giồng Trôm tỉnh Bến Tre
- ④ Nguyễn Thanh Thảo (sống) ấp Nghĩa Thuận xã Mỹ Thạnh
huyện Giồng Trôm tỉnh Bến Tre.
- ⑤ Nguyễn Thị Thanh Hoàng (sống) ấp Nghĩa Thuận xã Mỹ Thạnh
huyện Giồng Trôm tỉnh Bến Tre.
- ⑥ Nguyễn Thị Thanh Huệ (chết)

F- Service with CVN or RVNAF by you or your spouse
Bạn hoặc Vợ / chồng đã công tác với quân lực Việt Nam

1. Name of person serving:

Họ tên người tham gia: Nguyễn Thanh Phương

2. Dates

From To
Ngày tham gia năm: Từ 22-2-1965 đến 30-4-1975

3 - Last rank

- Cấp bậc cuối cùng: Thiệu úy
Số quân: 65 / 145.148

4. Ministry / office / military unit

Bộ / Sở / An ninh / Binh chủng:

Chi đội 423 Cở Giới - Tiểu khu Kiên Hòa.

Binh chủng Địa phương quân.

5. Name of Supervisor / C.O.

Họ tên người giám thị / Sĩ quan chỉ huy:
Đại tá Phạm Chí Kim

6. Reason for leaving

Lý do ra đi: Tìm Tự Do

7 - Name of American Advisor

Họ tên cố vấn Mỹ:

8. US Training courses in Việt Nam

Chương trình huấn luyện Hoa Kỳ tại Việt Nam:

9. US Awards or certificates

Giấy khen hoặc chứng thư do Hoa Kỳ cấp:

(Note: Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available)

(Chú ý: Xin bạn kèm theo bất cứ văn bằng, giấy khen hoặc chứng thư nếu có.)

Đúng thì có không? Không.

H - Reeducation of you or your spouse

Bạn hoặc vợ/chồng đã học tập cải tạo:

1 - Name of person in reeducation:

Họ tên người đi học tập cải tạo: Nguyễn Thanh Phương

2 Total time in reeducation

Tổng cộng thời gian học tập cải tạo: 3 năm

3 Still in reeducation

Vẫn còn học tập cải tạo? Không

(If released, we must have a copy of your release certificate)

(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại)

I Any additional remarks?

Phần chú phụ thuộc:

Tôi không thi ở đây tại Việt Nam, chúng tôi đã chờ đợi
13 năm rồi! Xin chào phụ nữ Hoa Kỳ đang chờ đợi chúng tôi.

Signature

Ký tên



Date

Ngày 25 tháng 7 - năm 1988

J Please list here all documents attached to this questionnaire
xin nêu ra tất cả giấy tờ kèm theo với tờ câu hỏi này.

1. Bản sao giấy ra trại.

1- Bản sao giấy giá thú.

1- bản khai sinh của Nguyễn Thanh Phương

1- bản khai sinh của Lê Thị Hi

1- bản khai sinh của Nguyễn Thanh Vũ

1- bản khai sinh của Nguyễn Thị Phương Uyên

1- bản khai sinh của Nguyễn Thanh Khoa

1- bản sao căn cước của Lê Thị Hi

Đ. tâm hình.

Mail this form to:

Bà Khuê Minh Thọ

P.O. Box 5435

Arlington VA. 22205 - 0635.

U.S.A.

Sài Gòn ngày 15-7-1988

Kính gửi Bà Khmer Ninh Thò,

Thưa bà, tôi sống ở Việt Nam đã 13 năm rồi nhưng
mới vào được lương và Tự Do. nhưng không biết phải
làm sao! Rất may tôi được người bạn cho tôi
địa chỉ của Bà nên tôi gửi đơn và tất cả giấy tờ
kèm theo cho Bà, kính nhờ Bà giúp đỡ gửi cho
cơ quan nào của chính phủ Hoa Kỳ chấp thuận
cho tôi được định cư tại Hoa Kỳ. Đó là tất
cả ước vọng của tôi rồi.

Tôi chờ đợi đã 13 năm rồi. Xin chính phủ Hoa Kỳ
sớm để tôi được tới.

Tôi và gia đình tôi rất mong ở Bà.

Kính chào Bà

: Ph

Nếu bà nhận được thư này kính xin bà báo cho
tôi biết ở địa chỉ:

Nguyễn Thanh Phương TX 33/6 Nguyễn Cảnh Chân

P.24 - Q.I thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam -

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH.

- Thực hiện chính sách khoan hồng của Chính phủ Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam đối với những sĩ quan, hạ sĩ quan, binh lính ngụy quốc và nhân viên ngụy quyền.
- Xét tình thân học tập cải tạo của NGUYỄN THẠNH PHƯƠNG nguyên là Thiếu úy ngụy quân, trong thời gian qua tỏ ra biết ăn năn hối cải và cố gắng phấn đấu để trở thành người có ích cho đất nước.
- Xét đơn xin bảo lãnh của Võ Lê Văn Hỷ cấp 2 Ngân đối với sĩ quan ngụy nói trên. Thiếu úy Võ Lê Văn Hỷ cấp 2 Ngân.

QUYẾT ĐỊNH

- Điều 1 — Cho Anh Phương nguyên là Thiếu úy ngụy quân được tạm ngưng quân huấn tập trung và cho phép được trở về nhà làm ăn.
- Điều 2 — Khi trở về địa phương hoặc tiếp tục làm việc ở các ngành chuyên môn Anh Phương phải chấp hành tốt mọi sự quy định về luật pháp và chịu sự quản chế của chính quyền cơ sở địa phương hoặc đơn vị mình làm việc. Thời gian quản chế là 1 năm sau thời gian đó nếu được chính quyền địa phương hoặc cơ quan đơn vị làm việc xác nhận là tiến bộ và được chính quyền sở tại đồng ý thì sẽ được chính thức khôi phục quyền công dân.
- Điều 3 — Ủy ban Nhân dân tỉnh Bến Tre trại quân huấn Thiếu úy Võ Lê Văn Hỷ và đương sự chiếu quyết định thi hành.

Ngày 04 tháng 04 năm 1978

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

Chữ ký

GHI CHÚ

- Không được về thành phố, Thị xã vùng biên giới vùng xung yếu trong thời gian quản chế, ở đâu do chính quyền địa phương quyết định.
- Giấy này không có giá trị di đường.
- Trong thời gian quản chế, việc quy định bao nhiêu ngày trình diện 1 lần là chính quyền địa phương xã, phường quy định.

QUYẾT ĐỊNH NÀY LÀM THÀNH 4 BẢN

- Phòng quân huấn Quân khu lưu.
- Trại quân huấn
- Ủy ban nhân dân xã, phường cơ quan.
- Đương sự.



Kiểm tra

VIỆT-NAM CÔNG-HÒA
THẺ CĂN-CƯỚC

Số 03235854



Họ Tên LÊ - THỊ - HẺ

Ngày, nơi sinh 10-2-1944

Quê hương, KIẾN-TRƯỜNG

Cha LÊ-VĂN-DŨI

Mẹ NGUYỄN-TRỊ-ĐÔNG

Số chỉ 10-2-1944, KIẾN-TRƯỜNG

Chức vụ: - Tân nhang phân đưng ngày trải.		Cao, 1 th 53
Số lý được số: <i>[Signature]</i>		Nặng: 28 kg
KIỂM-HOÀ, ngày 26-11-1969		Ngôn trỏ mặt
Trưởng-Ty Cảnh-Sát Quốc-Gia		
<i>[Signature]</i> NGUYỄN-NGOC-THUC		Ngôn trỏ trái

VIỆT-NAM-CỘNG-HÒA

TỈNH Kiên-Hoà

QUẬN Giồng-Trôm

XÃ Mỹ-Thạnh

HỘ - TỊCH VIỆT - NAM

TRÍCH LỤC BỘ KHAI SÁCH

Năm : 1944

Số liên: Cent trent e huit



Tên, họ su nhĩ	Lê-thị-Hỉ
Phái	Con gái
Sinh ngày	Dix Septembre 1944
Nơi sinh	Mỹ-Thạnh , Bảo-Thạnh
Tên họ cha	Lê-văn-Dai
Nghề nghiệp	Làm ruộng
Cư ở tại	Mỹ-Thạnh , Bảo-Thạnh
Tên, họ mẹ	Nguyen-thị-Đông
Nghề nghiệp	Làm ruộng
Cư ngụ tại	Mỹ-Thạnh , B ảo-Thạnh
Vợ chánh hay vợ thứ	Vợ- Chánh

SÁO Y BỘ CHÁNH

Mỹ-Thạnh , ngày 10 tháng 6 năm 19 1971



Kim Loan

VIỆT-NAM CÔNG-HÒA

TỈNH Kiên-Hòa

QUẬN Giồng-Trôm

XÃ Mỹ-Thạnh

HỘ - TỊCH VIỆT - NAM

TRÍCH LỤC BỘ KHAI SANH

Năm : 1945

Số hiệu : 31



Tên, họ ấu nhi	NGUYỄN-THÀNH-PHƯƠNG
Phái	Nam
Sanh ngày	Mười tám, tháng ba, năm 1945
Nơi sanh	Mỹ-Thạnh, Bão-Thành, Bến-Tre
Tên, họ cha	Nguyễn-Văn-Muội
Nghề nghiệp	Làm vườn
Cư sở tại :	Mỹ-Thạnh, Bão-Thành, Bến-tre
Tên, họ mẹ	Nguyễn-Thị-Bảy
Nghề nghiệp	Làm vườn
Cư ngụ tại	Mỹ-Thạnh, Bão-Thành, Bến-Tre
Vợ chánh hay vợ thứ.	vợ chánh

STEN: 10/10/1970
18/10/1970
19/10/1970
20/10/1970
21/10/1970
22/10/1970
23/10/1970
24/10/1970
25/10/1970
26/10/1970
27/10/1970
28/10/1970
29/10/1970
30/10/1970
31/10/1970
1/11/1970
2/11/1970
3/11/1970
4/11/1970
5/11/1970
6/11/1970
7/11/1970
8/11/1970
9/11/1970
10/11/1970
11/11/1970
12/11/1970
13/11/1970
14/11/1970
15/11/1970
16/11/1970
17/11/1970
18/11/1970
19/11/1970
20/11/1970
21/11/1970
22/11/1970
23/11/1970
24/11/1970
25/11/1970
26/11/1970
27/11/1970
28/11/1970
29/11/1970
30/11/1970
1/12/1970
2/12/1970
3/12/1970
4/12/1970
5/12/1970
6/12/1970
7/12/1970
8/12/1970
9/12/1970
10/12/1970
11/12/1970
12/12/1970
13/12/1970
14/12/1970
15/12/1970
16/12/1970
17/12/1970
18/12/1970
19/12/1970
20/12/1970
21/12/1970
22/12/1970
23/12/1970
24/12/1970
25/12/1970
26/12/1970
27/12/1970
28/12/1970
29/12/1970
30/12/1970
31/12/1970
1/1/1971
2/1/1971
3/1/1971
4/1/1971
5/1/1971
6/1/1971
7/1/1971
8/1/1971
9/1/1971
10/1/1971
11/1/1971
12/1/1971
13/1/1971
14/1/1971
15/1/1971
16/1/1971
17/1/1971
18/1/1971
19/1/1971
20/1/1971
21/1/1971
22/1/1971
23/1/1971
24/1/1971
25/1/1971
26/1/1971
27/1/1971
28/1/1971
29/1/1971
30/1/1971
31/1/1971
1/2/1971
2/2/1971
3/2/1971
4/2/1971
5/2/1971
6/2/1971
7/2/1971
8/2/1971
9/2/1971
10/2/1971
11/2/1971
12/2/1971
13/2/1971
14/2/1971
15/2/1971
16/2/1971
17/2/1971
18/2/1971
19/2/1971
20/2/1971
21/2/1971
22/2/1971
23/2/1971
24/2/1971
25/2/1971
26/2/1971
27/2/1971
28/2/1971
29/2/1971
30/2/1971
31/2/1971
1/3/1971
2/3/1971
3/3/1971
4/3/1971
5/3/1971
6/3/1971
7/3/1971
8/3/1971
9/3/1971
10/3/1971
11/3/1971
12/3/1971
13/3/1971
14/3/1971
15/3/1971
16/3/1971
17/3/1971
18/3/1971
19/3/1971
20/3/1971
21/3/1971
22/3/1971
23/3/1971
24/3/1971
25/3/1971
26/3/1971
27/3/1971
28/3/1971
29/3/1971
30/3/1971
31/3/1971
1/4/1971
2/4/1971
3/4/1971
4/4/1971
5/4/1971
6/4/1971
7/4/1971
8/4/1971
9/4/1971
10/4/1971
11/4/1971
12/4/1971
13/4/1971
14/4/1971
15/4/1971
16/4/1971
17/4/1971
18/4/1971
19/4/1971
20/4/1971
21/4/1971
22/4/1971
23/4/1971
24/4/1971
25/4/1971
26/4/1971
27/4/1971
28/4/1971
29/4/1971
30/4/1971
31/4/1971
1/5/1971
2/5/1971
3/5/1971
4/5/1971
5/5/1971
6/5/1971
7/5/1971
8/5/1971
9/5/1971
10/5/1971
11/5/1971
12/5/1971
13/5/1971
14/5/1971
15/5/1971
16/5/1971
17/5/1971
18/5/1971
19/5/1971
20/5/1971
21/5/1971
22/5/1971
23/5/1971
24/5/1971
25/5/1971
26/5/1971
27/5/1971
28/5/1971
29/5/1971
30/5/1971
31/5/1971
1/6/1971
2/6/1971
3/6/1971
4/6/1971
5/6/1971
6/6/1971
7/6/1971
8/6/1971
9/6/1971
10/6/1971
11/6/1971
12/6/1971
13/6/1971
14/6/1971
15/6/1971
16/6/1971
17/6/1971
18/6/1971
19/6/1971
20/6/1971
21/6/1971
22/6/1971
23/6/1971
24/6/1971
25/6/1971
26/6/1971
27/6/1971
28/6/1971
29/6/1971
30/6/1971
31/6/1971
1/7/1971
2/7/1971
3/7/1971
4/7/1971
5/7/1971
6/7/1971
7/7/1971
8/7/1971
9/7/1971
10/7/1971
11/7/1971
12/7/1971
13/7/1971
14/7/1971
15/7/1971
16/7/1971
17/7/1971
18/7/1971
19/7/1971
20/7/1971
21/7/1971
22/7/1971
23/7/1971
24/7/1971
25/7/1971
26/7/1971
27/7/1971
28/7/1971
29/7/1971
30/7/1971
31/7/1971
1/8/1971
2/8/1971
3/8/1971
4/8/1971
5/8/1971
6/8/1971
7/8/1971
8/8/1971
9/8/1971
10/8/1971
11/8/1971
12/8/1971
13/8/1971
14/8/1971
15/8/1971
16/8/1971
17/8/1971
18/8/1971
19/8/1971
20/8/1971
21/8/1971
22/8/1971
23/8/1971
24/8/1971
25/8/1971
26/8/1971
27/8/1971
28/8/1971
29/8/1971
30/8/1971
31/8/1971
1/9/1971
2/9/1971
3/9/1971
4/9/1971
5/9/1971
6/9/1971
7/9/1971
8/9/1971
9/9/1971
10/9/1971
11/9/1971
12/9/1971
13/9/1971
14/9/1971
15/9/1971
16/9/1971
17/9/1971
18/9/1971
19/9/1971
20/9/1971
21/9/1971
22/9/1971
23/9/1971
24/9/1971
25/9/1971
26/9/1971
27/9/1971
28/9/1971
29/9/1971
30/9/1971
31/9/1971
1/10/1971
2/10/1971
3/10/1971
4/10/1971
5/10/1971
6/10/1971
7/10/1971
8/10/1971
9/10/1971
10/10/1971
11/10/1971
12/10/1971
13/10/1971
14/10/1971
15/10/1971
16/10/1971
17/10/1971
18/10/1971
19/10/1971
20/10/1971
21/10/1971
22/10/1971
23/10/1971
24/10/1971
25/10/1971
26/10/1971
27/10/1971
28/10/1971
29/10/1971
30/10/1971
31/10/1971
1/11/1971
2/11/1971
3/11/1971
4/11/1971
5/11/1971
6/11/1971
7/11/1971
8/11/1971
9/11/1971
10/11/1971
11/11/1971
12/11/1971
13/11/1971
14/11/1971
15/11/1971
16/11/1971
17/11/1971
18/11/1971
19/11/1971
20/11/1971
21/11/1971
22/11/1971
23/11/1971
24/11/1971
25/11/1971
26/11/1971
27/11/1971
28/11/1971
29/11/1971
30/11/1971
31/11/1971
1/12/1971
2/12/1971
3/12/1971
4/12/1971
5/12/1971
6/12/1971
7/12/1971
8/12/1971
9/12/1971
10/12/1971
11/12/1971
12/12/1971
13/12/1971
14/12/1971
15/12/1971
16/12/1971
17/12/1971
18/12/1971
19/12/1971
20/12/1971
21/12/1971
22/12/1971
23/12/1971
24/12/1971
25/12/1971
26/12/1971
27/12/1971
28/12/1971
29/12/1971
30/12/1971
31/12/1971

SAO Y BỘ CHÁNH
ngày 15 tháng 9 năm 1970
ỦY BAN HỌ TỊCH
XÃ MỸ-THẠNH
GIỒNG TRÔM

VIỆT - NAM CÔNG - HOA

TỈNH HAY THÀNH PHỐ

Kiến-Hòa

QUẬN Giồng-Trôm

XÃ Ấy-Thạnh

Số hiệu 50



TRÍCH - LỤC

CHỨNG-THƯ HÔN-THÚ

Tên họ người chồng NGUYỄN-TẤN-PHƯƠNG

nghề - nghiệp Quân nhân

sinh ngày 18 tháng 3 năm 1945

tại Mỹ-Thạnh, Kiến-Hòa

cư-sở tại Mỹ-Thạnh, Kiến-Hòa

tạm-trú tại ////////

Tên, họ cha chồng Nguyễn-Văn-Mười (chết)

(Sống chết phải ghi rõ)

Tên họ mẹ chồng Nguyễn-Thị-Bảy (sống)

(Sống chết phải ghi rõ)

Tên, họ người vợ LÊ-THỊ-HÌ

nghề - nghiệp Nội-trợ

sinh ngày 10 tháng 9 năm 1944

tại Mỹ-Thạnh, Kiến-Hòa

cư-sở tại Mỹ-Thạnh, Kiến-Hòa

tạm-trú tại XXXXXXXX

Tên, họ cha vợ Lê-Văn-Đạt 47 tuổi

(Sống chết phải ghi rõ)

Tên, họ mẹ vợ Nguyễn-Thị-Đông (46 tuổi)

(Sống chết phải ghi rõ)

— Ngày cưới Ngày 11 tháng 9 năm 1970

— Vợ chồng khai có hay không lập hôn-kế ////

ngày /// tháng /// năm ////

tại ////////

Trích y bản chính

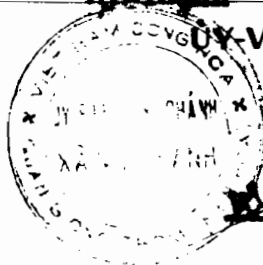
Mỹ-Thạnh ngày 15 tháng 9 năm 1980

ỦY-VIÊN HỘ-TỊCH

Khai thốt chữ ký của Hồ Mỹ Thanh
Giồng Trôm ngày 18 tháng 9 năm 1980
ỦY-VIÊN QUẢN-TRƯNG

Wiem

THÀNH-THẠO



THÀNH-THẠO

MLL HT3/P3

Số 232
Quyển số IA

Nguyễn Văn An

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu HT283

Xã, Thị trấn _____

Độc Lập — Tự Do — Hạnh Phúc

Thị xã, Quận _____

Thành phố, Tỉnh _____

BẢN SAO

GIẤY KHAI SINH

Số: _____

Quyển số: _____



Và tên:

Nguyễn Thị Phương Uyên

Nam, nữ Nữ

Ngày

tháng, năm:

Hai tháng một, năm một ngàn chín
tám bảy mươi tư

sinh

xã Mỹ Thạnh huyện Giồng Trôm tỉnh Bến Tre

Khai về cha mẹ

CHA

MẸ

Họ, tên, tuổi (hoặc
ngày, tháng, năm sinh)

Nguyễn Thanh Phương
18-3-1945

Lê Thị Hương
10-9-1944

Dân tộc
Quốc tịch

Kinh
Việt Nam

Kinh
Việt Nam

Nghề nghiệp
Nơi ĐKKK thường trú

Kinh viên
Xã Mỹ Thạnh, Giồng Trôm BT

Họ, tên tuổi, nơi ĐKKK
thường trú, số giấy chứng
minh Loạt CNCC của
người đăng khai

Lê Thị Hương năm 1944 xã Mỹ Thạnh
huyện Giồng Trôm tỉnh Bến Tre

Giấy chứng minh 51 320.170.261

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Đăng ký ngày 07 tháng 12 năm 1984
(ký tên đóng dấu, ghi rõ chức vụ)

Ngày 07 tháng 12 năm 1984

TM. Ủy ban Nhân dân ký tên đóng dấu



Ủy ban Nhân dân

(Đã ký)

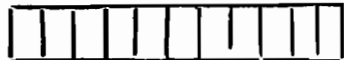
CT

Trưởng Ủy ban Nhân dân

Xã, Thị trấn Mỹ Thành
Thị xã, Quận Giồng Trôm
Thành phố, Tỉnh Bến Tre

**BẢN SAO
GIẤY KHAI SINH**

Số 233
Quyển số IA

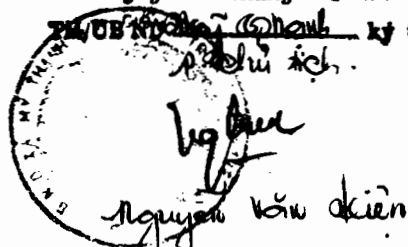


Họ và Tên	<u>Nguyễn Thanh Vũ</u>		Nam, nữ <u>nam</u>
Ngày sinh	<u>Ngày hai tháng một năm một ngàn chín trăm bảy mươi hai (02-01-1972)</u>		
Quê hương	<u>xã Mỹ Thành huyện Giồng Trôm tỉnh Bến Tre</u>		
Khai về cha mẹ	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	<u>Nguyễn Thanh Phước</u> <u>1945</u>	<u>Lê Thị Hi</u> <u>1944</u>	
Dân tộc	<u>Kinh</u>	<u>Kinh</u>	
Quốc tịch	<u>Việt Nam</u>	<u>Việt Nam</u>	
Nghề nghiệp	<u>Làm vườn</u>	<u>Làm vườn</u>	
Nơi ĐKNK thường trú	<u>Ấp Nghĩa Thuận</u>	<u>Ấp Nghĩa Thuận</u>	
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	<u>Lê Thị Hi ấp Nghĩa Thuận xã Mỹ Thành huyện Giồng Trôm tỉnh Bến Tre</u>		

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 23 tháng 08 năm 1986

Nguyễn Văn Kiên ký tên đóng dấu



Đã ký ngày 01 tháng 12 năm 1984

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ)

Chỉ tịch

Đã ký và đóng dấu

Lê Văn Ngọc

From: Nguyễn Thanh Phương TK 33/6 Nguyễn Cảnh Chân
P24-Q1 thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

R

RS 5 5



TO:

Bà Khuê Minh Thò

P.O. Box 5435

Arlington VA 22205-0635

U.S.A.

